

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **397/2026/HS-ST**

Ngày: 12/8/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hoàng Nghĩa Hải;**

Các hội thẩm nhân dân: Bà **Phan Thu Hằng**

Bà Vũ Ngọc Hà

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Trần Hải Minh** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Hoàng Lan Hương**, Kiểm sát viên.

Ngày 12/8/2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 2 - Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 332/2026/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 374/2026/QĐXXST-HS ngày 07/7/2026, đối với

*** Các bị cáo:**

1. Họ và tên: Đỗ Văn T, sinh năm 1994; Giới tính: Nam; tên gọi khác: không.

Nơi thường trú và cư trú: Thôn Y, xã P, Thành phố Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 9/12; con ông Đỗ Văn M (đã chết) và con bà Phạm Thị Q, sinh năm 1974; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; Vợ là chị Lê Thị H, sinh năm 1994 (đã ly hôn), bị cáo có 02 con, lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Bản án số 115/2021/HSST ngày 26/6/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh – Hà Nội xử phạt 34 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời hạn thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án. (phạm tội lần này trong thời gian thử thách).

Bị cáo bị bắt đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H.

2. Họ và tên: Vũ Long Ngọc H1, sinh năm 2000; Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không.

Nơi thường trú và cư trú: thôn B, xã P, Thành phố Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Vũ Ngọc T1, sinh năm 1972 và con bà Lê Ngọc A, sinh năm 1975; gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ 1; vợ: không.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt đầu thú, bị tạm giữ tạm giam từ ngày 06/3/2026. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 – Công an thành phố H.

3. Họ và tên: Ngô Công Tuấn A, sinh năm 2000; giới tính: Nam; tên gọi khác: không.

Nơi thường trú và cư trú: thôn X, xã P, Thành phố Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 12/12; con ông Ngô Công N, sinh năm 1971 và con bà Đỗ Thị L, sinh năm 1979; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 1.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt đầu thú, tạm giữ từ ngày 06/3/2026. Hủy bỏ tạm giữ ngày 15/3/2026. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

*** Bị hại: Anh Phan Ý T2**, sinh năm 1997 - Chủ hộ kinh doanh PT88.

Trú tại: Số F ngách D ngõ H K, phường T, thành phố Hà Nội

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà **Phạm Thị Q**, sinh năm 1974 (mẹ bị cáo Đỗ Văn T).

Trú tại: Thôn Y, xã P, Thành phố Hà Nội.

- Bà **Đỗ Thị L**, sinh năm 1979 (mẹ bị cáo Ngô Công Tuấn A)

Trú tại: thôn X, xã P, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/3/2026, anh Phan Ý T2 (sinh năm 1997, trú tại số F ngách D ngõ H K, phường T, Hà Nội) đến công an phường K trình báo về việc Vũ Long Ngọc H1 và Ngô Công Tuấn A có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T2 tại cửa hàng P địa chỉ số A K, phường K, Hà Nội vào ngày 07/12/2025 và ngày 08/12/2025.

Ngày 06/3/2026, Đỗ Văn T, Vũ Long Ngọc H1, Ngô Công Tuấn A đã đến cơ quan công an đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình. T, H1, Tuấn A khai như sau:

Ngày 06/12/2025, T nảy sinh ý định thuê người mang máy điện thoại đi vay tiền tại cửa hàng cầm đồ PT88 địa chỉ A K, phường K, Hà Nội sau đó sử dụng thông tin cá nhân không đúng để chiếm đoạt tiền của cửa hàng. T đã sử dụng tài khoản Zalo “Bư Bư” của T liên hệ với Vũ Long Ngọc H1 và thuê H1 mang 01 chiếc điện thoại

di động Iphone 17 Promax của T đến cửa hàng cầm đồ PT88 để vay tiền. T sẽ trả công cho H1 1.000.000 đồng. H1 đồng ý. Sau đó, T bảo H1 gửi ảnh Căn cước công dân (CCCD) của H1 cho T. Sau khi nhận được ảnh CCCD của H1 thì T sử dụng phần mềm chỉnh sửa ảnh để chỉnh sửa làm sai thông tin địa chỉ của H1 (T sửa nơi cư trú của H1 thành Thôn C, N, B, Thanh Hóa) nhằm mục đích che dấu địa chỉ của H1 để cửa hàng cầm đồ không thể tìm H1 đòi tiền. Trưa ngày 07/12/2025, T hẹn H1 ra quán cafe C tại địa chỉ số F đường H, phường L, Hà Nội. Tại đây, T đưa cho H1 01 chiếc điện thoại di động Iphone 17 Promax màu cam của T, đồng thời T gửi ảnh CCCD của H1 mà T đã chỉnh sửa cho H1 để sử dụng vào việc vay tiền tại cửa hàng PT88. Sau khi nhận được ảnh CCCD, H1 thấy thông tin địa chỉ của mình đã bị chỉnh sửa thì hỏi T. T bảo H1 sửa lại để cửa hàng PT88 không tìm đến nhà H1 đòi tiền. H1 hiểu ý của T sau khi vay được tiền của cửa hàng thì sẽ không trả. Sau đó, H1 mang chiếc điện thoại di động Iphone 17 Promax màu cam đến cửa hàng PT88 do anh Phan Ý T2 làm chủ cửa hàng để vay tiền. Sau khi kiểm tra máy, thấy tình trạng máy bị kẻ sọc màn hình và xem ảnh CCCD của H1, anh T2 đã đồng ý cho H1 vay số tiền 14.000.000 đồng và nói với H1 sẽ ký 02 hợp đồng gồm: 01 hợp đồng bán máy Iphone 17 Promax màu cam cho cửa hàng PT88 với giá 14.000.000 đồng, 01 hợp đồng cửa hàng thuê lại chiếc điện thoại đó để sử dụng với phí thuê máy 1.064.000 đồng/1 tháng. Để cho H1 được mang máy điện thoại về sử dụng thì anh T2 đã cài Icloud của cửa hàng vào máy để có thể định vị được vị trí của máy. Sau khi trừ phí thuê máy tháng đầu, anh T2 chuyển số tiền 12.736.000 đồng tới tài khoản số 8886763571 mang tên VU LONG NGOC HIEU mở tại ngân hàng B. Sau khi vay được tiền, H1 về gặp T tại cửa hàng C1 để đưa lại cho T chiếc điện thoại Iphone 17 Promax màu cam. H1 nói với T vay được 14.000.000 đồng nhưng do trừ trước tiền lãi và một số phụ phí nên nhận về được 12.736.000 đồng. T bảo H1 đưa lại cho T 11.500.000 đồng, còn 1.236.000 đồng là tiền công T cho H1. H1 đã chuyển số tiền 6.500.000 đồng trên vào tài khoản số 02003713699 của T mở tại ngân hàng S và đưa 5.000.000 đồng tiền mặt. Khi nhận lại chiếc điện thoại Iphone 17 Promax từ H1, T sử dụng được khoảng 10 ngày thì T đã lên mạng mua 01 phần mềm có chức năng khóa tính năng can thiệp icloud từ xa nhằm mục đích ngăn chặn việc cửa hàng PT88 khóa máy của T khi T không trả tiền. Sau khi phá được icloud, T đã bán chiếc điện thoại trên cho một người không quen biết trên mạng xã hội Facebook với giá 22.000.000 đồng.

Ngày 08/12/2025, cũng bằng thủ đoạn tương tự, T đã thuê Ngô Công Tuấn A mang điện thoại Iphone 17 Promax màu cam của T đến cửa hàng P để vay tiền. T đã chỉnh sửa thông tin trên ảnh CCCD của Tuấn A (T sửa quê quán của Tuấn A thành P, B, Hà Nội, sửa nơi cư trú thành số C ngõ G Hồ N, P, B, Hà Nội). Sáng ngày 08/12/2025, T hẹn Tuấn A ra quán cà phê C tại địa chỉ số F đường H. Tại quán cà phê, Tuấn A gặp T và H1. T đưa cho Tuấn A 01 điện thoại di động Iphone 17 Promax màu cam và gửi ảnh CCCD đã chỉnh sửa thông tin. Tuấn A cũng hiểu mục đích chỉnh sửa thông tin trong CCCD để chiếm đoạt tài sản của cửa hàng PT88. Sau đó, T bảo H1 chở Tuấn A đến cửa hàng P. Tại đây, Tuấn A đưa cho anh Phan Ý T2 máy điện thoại di động Iphone 17 Promax màu cam và ảnh CCCD do T đã chỉnh sửa để làm thủ tục vay tiền. Sau khi kiểm tra máy thấy có vết chấm đen ở màn hình nên anh T2 đồng ý cho vay với số tiền 14.000.000 đồng. Anh T2 cũng cho Tuấn A ký 02 hợp đồng gồm hợp đồng bán máy và hợp đồng cho thuê lại máy. Để cho Tuấn A được

mang máy điện thoại về sử dụng thì anh T2 cũng cài Icloud của cửa hàng vào máy để có thể định vị được vị trí của máy. Sau khi trừ phí thuê máy tháng đầu, anh T2 đã đưa cho Tuấn A 12.736.000 đồng tiền mặt. Sau đó, H1 chở Tuấn A về quán cà phê C gặp T. Tuấn A đưa lại cho T chiếc điện thoại Iphone 17 Promax màu cam và 11.5000.000 đồng, còn lại 1.236.000 đồng là tiền công T cho Tuấn A. Chiếc điện thoại Iphone 17 Promax màu cam cũng được T cài phần mềm để khóa chức năng can thiệp icloud từ xa. Sau đó, T cũng đã bán chiếc điện thoại trên cho một người không quen biết qua mạng xã hội Facebook với giá 18.000.000 đồng.

Anh T2 đã giao nộp cho cơ quan điều tra 02 bản gốc hợp đồng cho thuê điện thoại và 02 bản phô tô hợp đồng mua bán và cam kết bán lại điện thoại.

Cơ quan công an đã thu giữ của T 01 điện thoại di động Iphone 17 promax màu trắng.

Tại bản kết luận giám định số: 5293/KL-KTHS ngày 03/6/2026 của Phòng K Công an thành phố H kết luận:

Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Vũ Long Ngọc H1 dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 với chữ ký, chữ viết đứng tên Vũ Long Ngọc H1 trên các mẫu so sánh ký hiệu M1, M2 là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Chữ ký, chữ viết dòng họ tên Ngô Công Tuấn A dưới chữ ký trên mẫu cần giám định ký hiệu A2 với chữ ký, chữ viết đứng tên Ngô Công Tuấn A trên các mẫu so sánh ký hiệu M3, M4 là chữ do cùng một người ký và viết ra.

Tại bản kết luận ĐGTS số: 13/KL-HĐ ĐGTS ngày 26/5/2026 của hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự - UBND phường K kết luận:

- 01 điện thoại di động Iphone Promax 256Gb màu cam (đã qua sử dụng, màn hình điện thoại bị kẻ sọc) thời điểm định giá tháng 12/2025 là 14.000.000 đồng.

- 01 điện thoại di động Iphone Promax 256Gb màu cam (đã qua sử dụng, chàm mực ở góc phải màn hình điện thoại) thời điểm định giá tháng 12/2025 là 14.000.000 đồng.

Tổng trị giá 02 chiếc điện thoại trên là 28.000.000 đồng.

Đối với vụ việc ngày 08/12/2025, H1 không được hưởng lợi gì nhưng mặc dù biết việc T và Tuấn A tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T2 mà H1 vẫn giúp T chở Tuấn A đến cửa hàng P để vay tiền thì xác định H1 đóng vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ việc này.

Đối với việc Đỗ Văn T chỉnh sửa thông tin trên ảnh Căn cước công dân của Vũ Long Ngọc H1 và Ngô Công Tuấn A, không phải chỉnh sửa trực tiếp trên bản gốc nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 17 Promax màu trắng của T, Cơ quan điều tra chuyển Phòng thi hành án dân sự Khu vực 2 – Hà Nội để xử lý theo quy định của pháp luật.

Trách nhiệm dân sự:

Ngày 23/5/2026, bị cáo Đỗ Văn T đã tự nguyện bồi thường cho anh Phan Ý T2 số tiền 28.000.000 đồng. Ngày 28/4/2026, bị cáo Ngô Công Tuấn A đã tự nguyện bồi thường cho anh Phan Ý T2 số tiền 20.000.000 đồng. Anh Phan Ý T2 không có yêu cầu đề nghị gì khác và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho T, H1, Tuấn A.

Tại Cáo trạng số 166/CT-VKSKV2 ngày 17/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hà Nội đã quyết định truy tố các bị cáo Đỗ Văn T, Vũ Long Ngọc H1, Ngô Công Tuấn A tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại Khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố;
- Bà Phạm Thị Q trình bày: Bà đã thay mặt bị cáo Đỗ Văn T bồi thường cho anh Phan Ý T2 số tiền 28.000.000 đồng. Việc bồi thường này giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và bà cũng không yêu cầu bị cáo T phải hoàn trả lại mình số tiền đã tự nguyện bồi thường. Trường hợp có bồi thường hơn số tiền mà bị cáo Đỗ Văn T phải bồi thường thì gia đình cũng hoàn toàn nhất trí và không yêu cầu anh Phan Ý T2 phải hoàn trả lại.
- Bà Đỗ Thị L trình bày: Bà thay mặt bị cáo Ngô Công Tuấn A bồi thường cho anh Phan Ý T2 số tiền 20.000.000 đồng. Việc bồi thường này giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện và bà cũng không yêu cầu bị cáo Tuấn A phải hoàn trả lại mình số tiền đã tự nguyện bồi thường. Trường hợp có bồi thường hơn số tiền mà bị cáo Ngô Công Tuấn A phải bồi thường cho bị hại thì gia đình cũng hoàn toàn nhất trí và không yêu cầu anh Phan Ý T2 phải hoàn trả lại.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội duy trì công tố tại phiên tòa có quan điểm: Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở khẳng định các bị cáo phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo Đỗ Văn T phạm tội 02 lần trở lên và lần phạm tội này trong thời gian thử thách nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có 01 tiền án tại Bản án số 115/2021/HS-ST ngày 26/6/2021 của TAND huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội) chưa được xóa án tích và lần phạm tội này trong thời gian thử thách của án treo nên buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là hình phạt của bản án chuyển từ hình phạt tù treo sang hình phạt tù giam và hình phạt đối với hành vi phạm tội mới.

Bị cáo Ngô Công Tuấn A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Long Ngọc H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do Vũ Long Ngọc H1 phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, xem xét phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 - Hà Nội đề nghị như sau:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g,h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38, Điều 56, Điều 58, khoản 5 Điều 65, xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 34 tháng tù của Bản án số 115/2021/HSST ngày 26/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh – Hà Nội (nay là TAND khu vực 7 – Hà Nội). Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là từ 58 tháng tù đến 64 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2026.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Vũ Long Ngọc H1 từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2026.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt: bị cáo Ngô Công Tuấn A từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 18 tháng đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung;

+ Về truy nộp sung công quỹ nhà nước: Số tiền 1.236.000 đồng là tiền bị cáo H1 hưởng lợi từ hành vi chiếm đoạt tài sản nên buộc bị cáo truy nộp số tiền này.

+ Về xử lý vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 17 Promax màu trắng là phương tiện dùng để liên hệ, trao đổi thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị sung công quỹ nhà nước.

+ Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại và bị hại không yêu cầu gì khác.

+ Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố H; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hà Nội: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của

Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại Phan Ý T2 - Chủ hộ kinh doanh PT88 đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, đã nhận tiền do gia đình bị hại tự nguyện bồi thường, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của bị hại không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định:

Với mục đích để chiếm đoạt tài sản, Đỗ Văn T đã thuê Vũ Long Ngọc H1 và Ngô Công Tuấn A đem ảnh Căn cước công dân đã bị T chỉnh sửa làm sai thông tin (nhằm che dấu địa chỉ thật của H1 và Tuấn A để cửa hàng cầm đồ không thể tìm H1, Tuấn A đòi tiền) rồi đem điện thoại di động Iphone 17 Promax thuộc sở hữu của mình đến cửa hàng P để vay tiền thế chấp bằng hình thức cài đặt Icloud cùng mật khẩu của cửa hàng vào điện thoại. Qua đó, ngày 07/12/2025, Vũ Long Ngọc H1 đã vay của anh Phan Ý T2 12.736.000 đồng. Ngày 08/12/2025, vẫn cùng thủ đoạn như trên, H1 giúp T chở Tuấn A đến vay của anh T2 12.736.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được số tiền trên, T đã chia cho H1 và Tuấn A mỗi người 1.236.000 đồng và giữ lại 23.000.000 đồng. Sau đó, T đã bán hai chiếc điện thoại trên được 40.000.000 đồng. Tổng trị giá tài sản mà Đỗ Văn T và Vũ Long Ngọc H1 đã lừa đảo chiếm đoạt phải chịu trách nhiệm hình sự là 25.472.000 đồng. Trị giá tài sản mà Ngô Công Tuấn A đã lừa đảo chiếm đoạt phải chịu trách nhiệm hình sự là 12.736.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Đỗ Văn T, Vũ Long Ngọc H1, Ngô Công Tuấn A đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Đỗ Văn T, Vũ Long Ngọc H1, Ngô Công Tuấn A đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ.

[3] Xét tính chất vụ án và vai trò của các bị cáo:

Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi dùng ảnh Căn cước công dân đã bị chỉnh sửa, làm sai thông tin, nhằm đưa ra thông tin gian dối để đem điện thoại đến cửa hàng PT88 vay tiền, sau đó chiếm đoạt số tiền đã vay của bị hại là xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được rằng tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật quan tâm bảo vệ, mọi hành vi xâm hại trái pháp luật đều bị trừng trị nghiêm khắc nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Do đó cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, có như vậy mới phát huy được tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong xã hội.

Vụ án có tính chất đồng phạm có tổ chức, các bị cáo cùng cố ý thực hiện hành vi phạm tội, có sự câu kết chặt chẽ với nhau, khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị

cáo có sự bàn bạc, phân công, phân nhiệm rõ ràng, cụ thể. Xét tính chất đồng phạm và vai trò của từng bị cáo, thấy:

Bị cáo Đỗ Văn T là người chủ mưu, khởi xướng, chủ động thuê H1 và Tuấn A mang máy điện thoại đi cầm cố, vay tiền tại cửa hàng cầm đồ PT88; trực tiếp chỉnh sửa thông tin không đúng trên căn cước công dân của các đối tượng khác để nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại. Do đó, bị cáo Đỗ Văn T được xác định là người tổ chức và có vai trò cao nhất.

Bị cáo Ngô Công Tuấn A và Vũ Long Ngọc H1 là những người được T thuê để cầm điện thoại đến cửa hàng cầm đồ PT88 vay tiền, khi nhận được ảnh CCCD, H1 và Tuấn A1 đều thấy thông tin địa chỉ của mình đã bị chỉnh sửa và được T cho biết về việc sửa lại để cửa hàng PT88 không tìm đến nhà đòi tiền. H1 và Tuấn A không có ý kiến gì, ngầm đồng ý và đã thực hiện theo kế hoạch của T đưa ra. Do đó, bị cáo Ngô Công Tuấn A và Vũ Long Ngọc H1 được xác định là người thực hành.

Riêng vụ việc ngày 08/12/2025, Vũ Long Ngọc H1 không được hưởng lợi gì nhưng mặc dù biết việc T và Tuấn A tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh T2 mà H1 vẫn giúp T chở Tuấn A đến cửa hàng P để vay tiền thì xác định H1 đóng vai trò đồng phạm giúp sức trong vụ việc này.

Từ đó xác định bị cáo Vũ Long Ngọc H1 là người thực hành tích cực và có vai trò cao hơn bị cáo Ngô Công Tuấn A nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Bị cáo Ngô Công Tuấn A đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Vũ Long Ngọc H1 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do Vũ Long Ngọc H1 phạm tội 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Đỗ Văn T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do bị cáo Đỗ Văn T phạm tội 02 lần trở lên và lần phạm tội này trong thời gian thử thách nên phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo không có công ăn, việc làm ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Do đó, miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 23/5/2026, bà Phạm Thị Q là mẹ đẻ của bị cáo Đỗ Văn T đã bồi thường cho anh Phan Ý T2 số tiền 28.000.000 đồng. Ngày

28/4/2026, bị cáo Ngô Công Tuấn A đã tự nguyện bồi thường cho anh Phan Ý T2 số tiền 20.000.000 đồng. Bị hại không có yêu cầu đề nghị gì khác nên hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về tổng hợp hình phạt: Bị cáo Đỗ Văn T bị Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội xử phạt 34 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Đánh bạc, thời hạn thử thách là 60 tháng kể từ ngày tuyên án theo bản án số 115/2021/HSST ngày 26/6/2021.

Như vậy, bị cáo phạm tội lần này trong thời gian thử thách nên căn cứ điều 56 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chấp hành hình phạt 34 tháng tù nhưng cho hưởng án treo chuyển thành hình phạt tù giam theo bản án số 115/2021/HSST ngày 26/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội. Tổng hợp hình phạt 34 tháng tù theo bản án số 115/2021/HSST ngày 26/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội với hình phạt của bản án này.

[8] Về vật chứng: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 17 Promax màu trắng, đã qua sử dụng là điện thoại T dùng để liên hệ thuê H1, Tuấn A đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên tịch thu sung công quỹ nhà nước.

[9] Về truy nộp sung công quỹ Nhà nước:

Đối với số tiền 1.236.000 đồng là tiền bị cáo Vũ Long Ngọc H1 hưởng lợi từ hành vi chiếm đoạt tài sản nên buộc bị cáo truy nộp số tiền này.

Đối với số tiền 1.236.000 đồng là tiền bị cáo Ngô Công Tuấn A hưởng lợi từ hành vi chiếm đoạt tài sản, trước khi xét xử bị cáo Tuấn A đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 20.000.000 đồng nên không truy thu số tiền này.

Đối với số tiền 23.000.000 đồng là tiền bị cáo Đỗ Văn T hưởng lợi từ hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại. Trước khi xét xử bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả số tiền 28.000.000 đồng nên không truy thu số tiền này.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Đỗ Văn T, Vũ Long Ngọc H1, Ngô Công Tuấn A phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

1. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 56, Điều 58, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: bị cáo **Đỗ Văn T** 24 (hai mươi tư) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 34 tháng tù của bản án hình sự số 115/2021/HSST ngày 26/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đông Anh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Hà Nội), Thành phố Hà Nội.

Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả 02 bản án là 58 (năm mươi tám) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 06/3/2026.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: bị cáo **Vũ Long Ngọc H1** 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính ngày 06/3/2026.

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17 Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015:

Xử phạt: bị cáo **Ngô Công Tuấn A** 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12.8.2026.

Giao bị cáo Ngô Công Tuấn A cho Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Hà Nội giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Ngô Công Tuấn A cho Công an xã P, thành phố Hà Nội giám sát trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Ngô Công Tuấn A có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Hà Nội và Công an xã P, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 17 Promax màu trắng, đã qua sử dụng.

Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 381 ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Cơ quan điều tra Công an Thành phố H và Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Hà Nội.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không.

4. Về hình phạt bổ sung: Không.

5. Về truy nộp sung công quỹ Nhà nước: Buộc bị cáo Vũ Long Ngọc H1 phải truy nộp sung công quỹ Nhà nước số tiền 1.236.000 đồng (Một triệu hai trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Đỗ Văn T, Vũ Long Ngọc H1, Ngô Công Tuấn A mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc kể từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- VKS ND khu vực 2 - Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Công an Thành phố Hà Nội;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 2 - Hà Nội;
- Lưu HS - VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Nghĩa Hải